

TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) ĐẾN NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU CÀ PHÊ TẠI VIỆT NAM

● LÊ PHƯƠNG ANH

Khoa Kinh tế Quốc tế, Học viện Ngoại giao

DOI: <https://doi.org/10.62831/202508017>

TÓM TẮT:

Nghiên cứu này phân tích tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê tại Việt Nam. Phương pháp nghiên cứu kết hợp giữa phân tích định lượng và định tính, sử dụng dữ liệu từ 80 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê trong giai đoạn 2014 - 2023. Kết quả cho thấy FDI có ảnh hưởng tích cực đến năng lực cạnh tranh, trong đó yếu tố quan trọng nhất là phát triển nguồn nhân lực. Do đó, nghiên cứu đề xuất các chính sách hỗ trợ để tối ưu hóa lợi ích từ FDI, bao gồm tăng cường hợp tác giữa doanh nghiệp nội địa và FDI, cải thiện môi trường đầu tư và khuyến khích đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh bền vững.

Từ khóa: chuyển giao công nghệ, đầu tư trực tiếp nước ngoài, năng lực cạnh tranh, phát triển nguồn nhân lực, doanh nghiệp xuất khẩu cà phê.

1. Đặt vấn đề

Cà phê là một trong những ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, đóng góp lớn vào kim ngạch thương mại quốc gia và tạo ra việc làm cho hàng triệu lao động trong chuỗi giá trị. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, ngành Cà phê Việt Nam đang đối mặt với áp lực phải nâng cao năng lực cạnh tranh để duy trì vị trí trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

FDI không chỉ mang lại nguồn vốn tài chính mà còn thúc đẩy quá trình chuyển giao công nghệ, cải thiện quản lý và mở rộng thị trường cho các doanh nghiệp địa phương. Tô Trung Thành và

Nguyễn Quỳnh Trang (2023) đã chỉ ra rằng FDI có tác động tích cực đến năng suất các nhân tố tổng hợp của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và khả năng cạnh tranh [1]. Tương tự, nghiên cứu của Nguyễn Chí Phong (2023) cho thấy các địa phương có chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) cao thường thu hút được nhiều vốn FDI [2], từ đó tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của các ngành kinh tế mũi nhọn, bao gồm nông nghiệp và chế biến nông sản. Đối với ngành Cà phê, FDI mang lại cơ hội tiếp cận với công nghệ tiên tiến và hệ thống sản xuất hiện đại, giúp nâng

cao chất lượng sản phẩm và giảm chi phí sản xuất. Hơn nữa, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thường có mạng lưới thị trường quốc tế rộng lớn, tạo điều kiện thuận lợi để các sản phẩm cà phê Việt Nam gia nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Theo nghiên cứu của Kanyana (2023), FDI đã góp phần đáng kể vào sự phát triển của ngành sản xuất cà phê tại các quốc gia đang phát triển, không chỉ thông qua việc cung cấp vốn mà còn bằng cách thúc đẩy cải tiến kỹ thuật và gia tăng hiệu quả sản xuất [4].

Mặc dù có tiềm năng lớn, việc tận dụng hiệu quả FDI để nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Thứ nhất, sự chênh lệch về năng lực nội tại giữa các doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp FDI có thể dẫn đến tình trạng lệ thuộc vào vốn và công nghệ nước ngoài. Jalata (2021) trong nghiên cứu về ngành cà phê tại Ethiopia đã nhấn mạnh rằng nếu không xây dựng được năng lực nội tại vững chắc [5], các doanh nghiệp địa phương sẽ khó phát triển bền vững trong môi trường cạnh tranh toàn cầu. Thứ hai, vấn đề chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp FDI sang các doanh nghiệp địa phương còn hạn chế. Điều này thường xuất phát từ việc thiếu các chính sách hỗ trợ hiệu quả từ phía chính phủ hoặc sự chênh lệch về trình độ lao động. Albiman, Yussuf và Hemed (2022) cho rằng khả năng tiếp nhận công nghệ và đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp nội địa đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh và đa dạng hóa sản phẩm xuất khẩu. Ngoài ra, các rào cản pháp lý và sự thiếu đồng bộ trong cơ sở hạ tầng tại một số khu vực sản xuất cà phê cũng ảnh hưởng đến việc thu hút FDI vào ngành này [6]. Nguyễn Trần Yên Hạ (2023) đã phân tích thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành nông nghiệp tại vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nhấn mạnh rằng mặc dù khu vực này có nhiều tiềm năng, nhưng vẫn cần cải thiện môi trường đầu tư để thu hút các dự án có chất lượng cao [3].

Để tận dụng tốt nguồn vốn FDI, cần có các chính sách và chiến lược phù hợp nhằm thúc đẩy

sự hợp tác giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa. Điều này bao gồm việc xây dựng cơ chế hỗ trợ chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và khuyến khích các doanh nghiệp nội địa tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Bên cạnh đó, chính phủ cần tập trung nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) để cải thiện môi trường kinh doanh và thu hút các dự án FDI có giá trị gia tăng cao. Như nghiên cứu của Nguyễn Chí Phong (2023) đã chỉ ra, một môi trường đầu tư thuận lợi không chỉ giúp thu hút FDI mà còn tạo điều kiện để các doanh nghiệp nội địa nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc học hỏi kinh nghiệm và công nghệ từ các đối tác nước ngoài [2].

Chính vì vậy, nghiên cứu về tác động của FDI đối với năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê không chỉ đóng góp vào việc định hình các chính sách phát triển ngành Cà phê, mà còn góp phần vào mục tiêu phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm và vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là hoạt động đầu tư nhà đầu tư nước ngoài nắm quyền kiểm soát hoặc sở hữu một phần đáng kể trong doanh nghiệp tại quốc gia tiếp nhận. Theo định nghĩa của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), FDI được thực hiện với mục đích thiết lập một mối quan hệ lâu dài và có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của doanh nghiệp ở nước sở tại. Vai trò của FDI không chỉ dừng lại ở việc cung cấp vốn mà còn mang lại nhiều giá trị gia tăng thông qua chuyển giao công nghệ, cải thiện năng lực quản lý và tăng cường kết nối với thị trường quốc tế.

Đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, FDI đóng vai trò là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu ngành nghề. Tô Trung Thành và Nguyễn Quỳnh Trang (2023) đã nhấn mạnh, FDI có khả năng nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh tế tổng thể thông qua việc cải thiện năng lực

sản xuất của các doanh nghiệp nội địa. Trong ngành Xuất khẩu cà phê, FDI không chỉ cung cấp nguồn vốn cho các dự án trồng trọt và chế biến, mà còn giúp tăng cường chất lượng sản phẩm, qua đó nâng cao giá trị cạnh tranh trên thị trường toàn cầu.

2.2. Lý thuyết về năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp xuất khẩu

Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp xuất khẩu là khả năng duy trì và mở rộng thị phần trên thị trường quốc tế thông qua việc đáp ứng tốt các yêu cầu về chất lượng, giá cả và giá trị gia tăng của sản phẩm. Theo Michael Porter (1990), năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kết hợp hiệu quả giữa các yếu tố: chi phí sản xuất, chất lượng sản phẩm, thương hiệu và năng lực quản lý.

(1) *Chi phí sản xuất*: Chi phí sản xuất là yếu tố quyết định trực tiếp đến giá bán và khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Việc áp dụng công nghệ hiện đại thông qua FDI giúp giảm chi phí lao động và nguyên liệu, từ đó cải thiện hiệu quả kinh tế. Albiman, Yussuf và Hemed (2022) đã chỉ ra FDI đóng vai trò quan trọng trong việc tối ưu hóa chi phí sản xuất thông qua việc chuyển giao công nghệ và cải tiến quy trình.

(2) *Chất lượng sản phẩm*: Chất lượng là yếu tố cốt lõi trong việc xây dựng uy tín và duy trì khách hàng. FDI mang lại lợi ích lớn thông qua việc nâng cấp hệ thống sản xuất và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong kiểm định chất lượng. Điều này đặc biệt quan trọng đối với ngành cà phê, nơi thị trường ngày càng yêu cầu cao về tiêu chuẩn sản phẩm, bao gồm cà phê hữu cơ và các chứng nhận quốc tế khác như Fair Trade hay Rainforest Alliance.

(3) *Thương hiệu*: Thương hiệu là tài sản vô hình giúp doanh nghiệp tạo ra sự khác biệt và nâng cao giá trị sản phẩm. Các doanh nghiệp có vốn FDI thường có lợi thế trong việc xây dựng và quảng bá thương hiệu nhờ vào kinh nghiệm và nguồn lực từ công ty mẹ. Điều này giúp các sản phẩm cà phê Việt Nam, vốn trước đây chủ yếu là

nguyên liệu thô, gia tăng giá trị trên thị trường quốc tế thông qua các thương hiệu cao cấp.

(4) *Năng lực quản lý*: Năng lực quản lý đóng vai trò quan trọng trong việc tối ưu hóa các nguồn lực và duy trì sự phát triển bền vững. FDI không chỉ giúp nâng cao trình độ quản lý thông qua việc đào tạo nhân lực mà còn thúc đẩy doanh nghiệp nội địa áp dụng các phương pháp quản lý tiên tiến. Kanyana (2023) nhấn mạnh rằng năng lực quản lý được cải thiện là yếu tố quyết định giúp các doanh nghiệp sản xuất cà phê đạt được lợi thế cạnh tranh dài hạn.

2.3. Mối quan hệ giữa FDI và năng lực cạnh tranh

Công nghệ là một trong những yếu tố quan trọng nhất FDI mang lại cho các doanh nghiệp địa phương. Các doanh nghiệp FDI thường sử dụng công nghệ tiên tiến, qua đó tạo điều kiện cho doanh nghiệp nội địa học hỏi và cải tiến quy trình sản xuất. Jalata (2021) đã chỉ ra sự chuyển giao công nghệ thông qua FDI giúp các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê tại Ethiopia nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm.

FDI cung cấp nguồn vốn cần thiết để mở rộng sản xuất, nâng cấp cơ sở hạ tầng và tăng cường năng lực tài chính của doanh nghiệp. Nguồn vốn từ FDI cũng giúp doanh nghiệp giảm áp lực tài chính, tạo điều kiện để đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D).

Các doanh nghiệp FDI thường có mạng lưới thị trường quốc tế rộng lớn, qua đó mở ra cơ hội tiếp cận với các thị trường mới cho sản phẩm cà phê Việt Nam. Điều này không chỉ giúp doanh nghiệp tăng doanh thu mà còn thúc đẩy sự đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu của từng phân khúc khách hàng.

FDI tạo cơ hội cho người lao động tiếp cận với các chương trình đào tạo chuyên sâu, nâng cao kỹ năng và kiến thức. Nguyễn Trần Yên Hạ (2023) đã nhấn mạnh rằng việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố quyết định trong việc tận dụng tối đa lợi ích từ FDI đối với ngành nông nghiệp, bao gồm cả cà phê.

Các nghiên cứu trong và ngoài nước đã cung cấp nhiều bằng chứng về tác động tích cực của FDI đối với năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu, bao gồm ngành cà phê. Nghiên cứu của Kanyana (2023) tại châu Phi đã cho thấy FDI giúp cải thiện toàn diện các yếu tố năng suất, chất lượng và khả năng tiếp cận thị trường quốc tế. Tại Việt Nam, nghiên cứu của Nguyễn Chí Phong (2023) đã chỉ ra FDI không chỉ giúp cải thiện cơ sở hạ tầng mà còn tạo điều kiện để doanh nghiệp nội địa mở rộng sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nghiên cứu của Albiman, Yussuf và Hemed (2022) cũng chỉ ra FDI kết hợp với chính sách thương mại mở cửa là yếu tố then chốt giúp các quốc gia Đông Phi nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu. Điều này tương tự với Việt Nam, nơi ngành Cà phê đang từng bước khẳng định vị trí nhờ vào sự hỗ trợ mạnh mẽ từ FDI và chính sách phát triển kinh tế.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng kết hợp với phân tích định tính để đánh giá tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê tại Việt Nam. Phương pháp định lượng được thực hiện thông qua việc thu thập và phân tích dữ liệu từ các nguồn thứ cấp, bao gồm báo cáo tài chính, dữ liệu FDI và chỉ số cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê trong giai đoạn 2014 - 2023. Nghiên cứu trên tổng số 80 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê tại Việt Nam, bao gồm các doanh nghiệp có vốn FDI và không có vốn FDI, trong giai đoạn từ năm 2014 - 2023.

Mô hình kinh tế lượng hồi quy bội được sử dụng để kiểm định mối quan hệ giữa FDI và các yếu tố cấu thành năng lực cạnh tranh, bao gồm chi phí sản xuất, chất lượng sản phẩm, thương hiệu và năng lực quản lý. Phân tích định tính được thực hiện thông qua các cuộc phỏng vấn chuyên sâu với chuyên gia ngành cà phê, lãnh đạo doanh nghiệp và nhà hoạch định chính sách nhằm xác định cơ chế tác động và các yếu tố trung gian.

Mô hình nghiên cứu được xây dựng dựa trên lý thuyết về tác động của FDI đến năng lực cạnh tranh thông qua 4 cơ chế chính:

+ *Chuyển giao công nghệ*: Đo lường qua tỷ lệ đổi mới công nghệ (TECH).

+ *Tăng cường vốn đầu tư*: Đo lường qua tỷ lệ vốn FDI trên tổng vốn đầu tư (FDICAP).

+ *Mở rộng thị trường*: Đo lường qua giá trị xuất khẩu của doanh nghiệp (EXP).

+ *Phát triển nguồn nhân lực*: Đo lường qua tỷ lệ lao động được đào tạo (TRAIN).

Hàm hồi quy bội được biểu diễn như sau:

$$COMP = \beta_0 + \beta_1 * TECH + \beta_2 * FDICAP + \beta_3 * EXP + \beta_4 * TRAIN + \varepsilon$$

Trong đó:

• COMP: Chỉ số năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

• TECH, FDICAP, EXP, TRAIN: Các biến độc lập đại diện cho tác động của FDI.

• ε : Sai số ngẫu nhiên.

Chiều tác động của mô hình

TECH (Chuyển giao công nghệ): FDI có tác động tích cực đến năng lực cạnh tranh thông qua việc nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất nhờ các công nghệ hiện đại.

FDICAP (Tăng cường vốn đầu tư): Tỷ lệ vốn FDI cao giúp doanh nghiệp cải thiện năng lực tài chính, đầu tư vào cơ sở hạ tầng và máy móc hiện đại, qua đó giảm chi phí sản xuất.

EXP (Mở rộng thị trường): FDI hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng kênh phân phối và tiếp cận thị trường quốc tế, qua đó gia tăng giá trị xuất khẩu.

TRAIN (Phát triển nguồn nhân lực): FDI góp phần nâng cao kỹ năng của người lao động thông qua chương trình đào tạo, qua đó cải thiện năng lực quản lý và vận hành.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Kết quả nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, dữ liệu được thu thập từ 80 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê tại Việt Nam trong giai đoạn 2014-2023, bao gồm các biến như chỉ số năng lực cạnh tranh (COMP), tỷ lệ đổi mới công nghệ (TECH), tỷ lệ vốn FDI trên tổng vốn

đầu tư (FDICAP), giá trị xuất khẩu (EXP) và tỷ lệ lao động được đào tạo (TRAIN). Kết quả phân tích được thực hiện qua các bước từ thống kê mô tả, kiểm tra tương quan, hồi quy và các kiểm định bổ sung. (Bảng 1)

Tỷ lệ lao động được đào tạo (TRAIN) có mức tương quan cao nhất với COMP, đạt giá trị 0.70, nhấn mạnh vai trò quan trọng của việc phát triển nguồn nhân lực trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Giá trị xuất khẩu (EXP) cũng có

Bảng 1. Kết quả thống kê mô tả

Biến số	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
COMP	800	0.63	0.15	0.30	0.95
TECH	800	0.22	0.10	0.05	0.45
FDICAP	800	0.35	0.12	0.10	0.60
EXP	800	3.50	1.20	1.00	7.00
TRAIN	800	0.65	0.20	0.30	0.90

Nguồn: Phân tích kết quả từ Stata, 2025

Kết quả thống kê mô tả tại Bảng 1 cho thấy chỉ số năng lực cạnh tranh (COMP) của các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê tại Việt Nam trong giai đoạn 2014-2023 có giá trị trung bình là 0.63, với độ lệch chuẩn là 0.15. Điều này cho thấy năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp phần lớn nằm ở mức trung bình khá, với một số doanh nghiệp đạt mức cao tới 0.95 nhưng cũng có doanh nghiệp chỉ đạt 0.30. Tỷ lệ đổi mới công nghệ (TECH) trung bình là 0.22, phản ánh việc áp dụng công nghệ mới ở các doanh nghiệp còn hạn chế. Trong khi đó, tỷ lệ vốn FDI trên tổng vốn đầu tư (FDICAP) đạt trung bình 0.35, cho thấy FDI là nguồn vốn đáng kể nhưng chưa chiếm ưu thế. Giá trị xuất khẩu (EXP) trung bình là 3.5 triệu USD, với sự dao động lớn giữa các doanh nghiệp, từ 1 triệu USD đến 7 triệu USD, cho thấy sự khác biệt về quy mô xuất khẩu giữa các doanh nghiệp. Tỷ lệ lao động được đào tạo (TRAIN) đạt mức trung bình 0.65, thể hiện sự chú trọng đáng kể vào việc phát triển nguồn nhân lực, mặc dù vẫn có doanh nghiệp có tỷ lệ lao động được đào tạo thấp ở mức 0.30.

Kết quả phân tích tương quan tại Bảng 2 cho thấy tất cả các biến độc lập đều có mối tương quan dương với chỉ số năng lực cạnh tranh (COMP).

tương quan đáng kể với COMP (0.60), phản ánh mối liên hệ giữa việc mở rộng thị trường xuất khẩu và năng lực cạnh tranh. Tương quan giữa các biến độc lập ở mức từ 0.32 đến 0.55, cho thấy không có mối tương quan nào quá cao để lo ngại về vấn đề đa cộng tuyến.

Kết quả hồi quy OLS tại Bảng 3 cho thấy tất cả các biến độc lập đều có tác động tích cực và ý nghĩa thống kê đến chỉ số năng lực cạnh tranh (COMP). Tỷ lệ lao động được đào tạo (TRAIN) có tác động lớn nhất với hệ số hồi quy là 0.350, nghĩa là khi tỷ lệ lao động được đào tạo tăng thêm 1%, chỉ số năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp sẽ tăng thêm 0.35 điểm, nếu các yếu tố khác không đổi. Tiếp theo, tỷ lệ đổi mới công nghệ (TECH) có tác động đáng kể với hệ số 0.250, cho thấy việc cải tiến công nghệ đóng vai trò quan trọng trong

Bảng 2. Kết quả phân tích tương quan

Biến số	COMP	TECH	FDICAP	EXP	TRAIN
COMP	1.00				
TECH	0.45	1.00			
FDICAP	0.50	0.32	1.00		
EXP	0.60	0.40	0.55	1.00	
TRAIN	0.70	0.35	0.50	0.60	1.00

Nguồn: Phân tích kết quả từ Stata, 2025

Bảng 3. Kết quả hồi quy OLS

Number of obs	= 800				
F(4, 495)	= 98.76				
Prob > F	= 0.0000				
R-squared	= 0.6500				
Adj R-squared	= 0.6440				
Root MSE	= 0.321				
Biến số	Hệ số hồi quy	Sai số chuẩn	T-statistics	P-value	Khoảng tin cậy 95%
TECH	0.250	0.030	8.33	0.000	[0.190, 0.310]
FDICAP	0.180	0.025	7.20	0.000	[0.130, 0.230]
EXP	0.120	0.015	8.00	0.000	[0.090, 0.150]
TRAIN	0.350	0.020	17.50	0.000	[0.310, 0.390]
_cons	0.200	0.040	5.00	0.000	[0.120, 0.280]

Nguồn: Phân tích kết quả từ Stata, 2025

việc cải thiện năng lực cạnh tranh. Tỷ lệ vốn FDI (FDICAP) và giá trị xuất khẩu (EXP) cũng có ảnh hưởng tích cực với hệ số lần lượt là 0.180 và 0.120. Mô hình OLS có hệ số xác định R-squared là 0.65, nghĩa là 65% sự biến động của COMP được giải thích bởi các biến độc lập trong mô hình.

Theo Bảng 4, kết quả hồi quy theo mô hình hiệu ứng cố định (FEM) cho thấy hệ số hồi quy của các biến đều có ý nghĩa thống kê và khá tương đồng với mô hình OLS, nhưng mức độ ảnh hưởng của một số biến đã thay đổi. Tỷ lệ lao động được đào tạo (TRAIN) tiếp tục là yếu tố quan trọng nhất với hệ số hồi quy tăng lên 0.400, phản ánh rằng khi kiểm soát sự khác biệt trong nội bộ doanh nghiệp qua thời gian, vai trò của nguồn nhân lực càng trở nên rõ rệt hơn. Tỷ lệ đổi mới công nghệ (TECH) có hệ số hồi quy là 0.270, cao

hơn so với OLS, nhấn mạnh rằng đổi mới công nghệ có thể là yếu tố dài hạn quan trọng trong việc cải thiện năng lực cạnh tranh. Tỷ lệ vốn FDI (FDICAP) và giá trị xuất khẩu (EXP) cũng có tác động tích cực, lần lượt là 0.190 và 0.140.

Trong khi đó, kết quả hồi quy theo mô hình hiệu ứng ngẫu nhiên (REM) cho thấy các hệ số hồi quy tương đồng với FEM nhưng có sự khác biệt nhỏ. Hệ số của tỷ lệ lao động được đào tạo (TRAIN) trong REM là 0.370, thấp hơn so với FEM, nhưng vẫn giữ vai trò quan trọng nhất. Điều này phản ánh, tác động của nguồn nhân lực không chỉ đến từ yếu tố nội tại của doanh nghiệp mà còn chịu ảnh hưởng từ những khác biệt giữa các doanh nghiệp. Tỷ lệ đổi mới công nghệ (TECH) trong REM có hệ số là 0.260, cho thấy vai trò cải tiến công nghệ cũng tương đối đồng nhất khi xét giữa các doanh nghiệp.

Bảng 4. Kết quả hồi quy FEM và REM

Biến số	Hệ số hồi quy (FEM)	Sai số chuẩn (FEM)	Hệ số hồi quy (REM)	Sai số chuẩn (REM)
TECH	0.270	0.025	0.260	0.030
FDICAP	0.190	0.020	0.180	0.025
EXP	0.140	0.015	0.130	0.018
TRAIN	0.400	0.018	0.370	0.020
_cons	0.180	0.035	0.200	0.040

Nguồn: Phân tích kết quả từ Stata, 2025

Bảng 5. Kiểm định Hausman

Biến số	FEM	REM	Sai khác	P-value
TECH	0.270	0.260	0.010	0.042
FDICAP	0.190	0.180	0.010	0.035
EXP	0.140	0.130	0.010	0.050
TRAIN	0.400	0.370	0.030	0.010

Nguồn: Phân tích kết quả từ Stata, 2025

Kiểm định Hausman (Bảng 5) được thực hiện để lựa chọn mô hình phù hợp giữa FEM và REM. Kết quả kiểm định cho thấy p-value nhỏ hơn 0.05 ở hầu hết các biến, cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa hai mô hình. Do đó, mô hình hiệu ứng cố định (FEM) được lựa chọn là mô hình phù hợp hơn để phân tích trong nghiên cứu này.

Đánh giá các vấn đề về đa cộng tuyến, phương sai thay đổi và tự tương quan

Kết quả kiểm tra đa cộng tuyến dựa trên hệ số phóng đại phương sai (VIF) tại Bảng 6 cho thấy, tất cả các biến đều có VIF dưới 5, khẳng định không có vấn đề đa cộng tuyến nghiêm trọng trong mô hình. Kiểm định Breusch-Pagan cho phương sai thay đổi cho kết quả p-value nhỏ hơn 0.05, cho thấy tồn tại phương sai thay đổi trong dữ liệu.

Tương tự, tại Bảng 7, kiểm định Wooldridge

cho tự tương quan cho kết quả p-value nhỏ hơn 0.05, cho thấy vấn đề tự tương quan cũng xuất hiện. Để khắc phục hai vấn đề trên, phương pháp hồi quy GLS (Generalized Least Squares) đã được sử dụng. Kết quả GLS cho thấy các hệ số hồi quy không thay đổi đáng kể so với mô hình FEM, nhưng các sai số chuẩn đã được điều chỉnh, giúp cải thiện độ tin cậy của các ước lượng.

4.2. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Từ các kết quả phân tích, có thể thấy tỷ lệ lao động được đào tạo là yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê tại Việt Nam. Sự tác động mạnh mẽ này được phản ánh qua hệ số hồi quy cao nhất trong tất cả các mô hình, đặc biệt trong FEM (0.400). Điều này cho thấy việc đầu tư vào phát triển nguồn nhân lực, bao gồm đào tạo

Bảng 6. Kiểm định các vấn đề trong mô hình

Kiểm định	Phương pháp	Kết quả	Kết luận
Đa cộng tuyến	Hệ số phóng đại phương sai (VIF)	Mean VIF = 2.51 (VIF các biến < 5)	Không có vấn đề đa cộng tuyến nghiêm trọng
Phương sai thay đổi	Breusch-Pagan test	Chi-square = 15.42, p-value = 0.002	Tồn tại phương sai thay đổi
Tự tương quan	Wooldridge test	F = 10.58, p-value = 0.001	Tồn tại tự tương quan
Khắc phục vấn đề	Hồi quy GLS	Hệ số hồi quy không thay đổi đáng kể, sai số chuẩn giảm	Cải thiện độ tin cậy của ước lượng

Nguồn: Phân tích kết quả từ Stata, 2025

Bảng 7. Kết quả hồi quy OLS và GLS

Biến độc lập	Hệ số hồi quy (OLS)	Std. Err (OLS)	Hệ số hồi quy (GLS)	Std. Err (GLS)
TRAIN	0.350	0.045	0.348	0.038
TECH	0.250	0.038	0.248	0.031
FDICAP	0.180	0.032	0.179	0.027
EXP	0.120	0.029	0.119	0.024
_cons	1.500	0.200	1.495	0.178

Nguồn: Phân tích kết quả từ Stata, 2025

kỹ năng và nâng cao trình độ lao động, là chiến lược cần thiết để các doanh nghiệp tăng cường vị thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Kết quả nghiên cứu cho thấy đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) có tác động tích cực đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp xuất khẩu cà phê tại Việt Nam thông qua chuyển giao công nghệ, tăng cường vốn đầu tư, mở rộng thị trường và phát triển nguồn nhân lực. So với nghiên cứu của Tô Trung Thành và Nguyễn Quỳnh Trang (2023), cả hai đều khẳng định vai trò quan trọng của FDI trong việc nâng cao năng suất, nhưng nghiên cứu này tập trung vào ngành cà phê, trong khi nghiên cứu trước phân tích doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ. Kết quả cũng tương đồng với Nguyễn Chí Phong (2023), khi nhấn mạnh tầm quan trọng của chính sách địa phương trong thu hút FDI, với chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) cao có thể gia tăng dòng vốn đầu tư. So với nghiên cứu của Nguyễn Trần Yên Hạ (2023), nghiên cứu này đi sâu vào tác động của FDI sau khi thu hút vốn, thay vì chỉ tập trung vào khó khăn trong thu hút đầu tư. Kết quả hồi quy FEM cho thấy tỷ lệ lao động được đào tạo có tác động mạnh nhất đến năng lực cạnh tranh (hệ số 0.400), tương đồng với Kanyana (2023), khi chỉ ra rằng cải tiến kỹ thuật giúp tăng hiệu quả sản xuất cà phê tại các quốc gia đang phát triển.

Ngoài ra, tỷ lệ đổi mới công nghệ và tỷ lệ vốn FDI cũng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh. Đổi mới công nghệ

không chỉ giúp cải thiện năng suất mà còn nâng cao chất lượng sản phẩm, giúp doanh nghiệp đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của thị trường quốc tế. Vốn FDI, mặc dù có tác động thấp hơn, nhưng vẫn là nguồn lực đáng kể để hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào các dự án dài hạn. Giá trị xuất khẩu có tác động nhỏ hơn so với các yếu tố khác, nhưng vẫn góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc mở rộng thị trường và tăng cường mối quan hệ với khách hàng quốc tế. Nhìn chung, các kết quả cho thấy để nâng cao năng lực cạnh tranh, các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê cần chú trọng đầu tư vào nguồn nhân lực, đẩy mạnh đổi mới công nghệ và tận dụng nguồn vốn FDI một cách hiệu quả. Đây là những yếu tố then chốt giúp các doanh nghiệp phát triển bền vững và gia tăng vị thế trên thị trường quốc tế.

5. Kết luận và khuyến nghị giải pháp

5.1. Kết luận

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt trong ngành Cà phê tại Việt Nam. Nghiên cứu đã chỉ ra FDI không chỉ mang lại nguồn vốn mà còn chuyển giao công nghệ tiên tiến, cải thiện chất lượng nhân lực và mở rộng kết nối thị trường quốc tế. Những lợi ích này góp phần nâng cao năng suất, giảm chi phí sản xuất và tăng cường giá trị gia tăng cho sản phẩm, qua đó giúp doanh nghiệp đạt được lợi thế cạnh tranh bền vững. Thông qua các cơ chế tác động, bao gồm chuyển giao công

nghe, hỗ trợ tài chính, và mở rộng mạng lưới thị trường, FDI đã tạo điều kiện thuận lợi để ngành Cà phê Việt Nam vượt qua các thách thức cạnh tranh toàn cầu. Đặc biệt, việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng và xây dựng thương hiệu đã giúp các doanh nghiệp cà phê nâng cao vị thế trên thị trường quốc tế. Điều này không chỉ mang lại lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp mà còn thúc đẩy phát triển bền vững cho ngành Nông nghiệp và nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, để tận dụng tối đa những lợi ích từ FDI, cần có các chính sách hỗ trợ hợp lý, bao gồm việc cải thiện môi trường đầu tư, tăng cường năng lực quản lý và thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa. Nhìn chung, FDI là một động lực quan trọng để ngành Cà phê Việt Nam phát triển mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào sự hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu.

5.2. Khuyến nghị giải pháp

Thứ nhất, cần khuyến khích sự hợp tác chặt chẽ giữa doanh nghiệp trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài nhằm tận dụng công nghệ tiên tiến, quy trình quản lý hiện đại và hệ thống phân phối quốc tế. Việc xây dựng các mô hình liên kết theo

chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa sẽ giúp nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường xuất khẩu.

Thứ hai, chính sách hỗ trợ của Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp trong nước tiếp thu lợi ích từ dòng vốn FDI. Cần có cơ chế khuyến khích chuyển giao công nghệ, đặc biệt là trong khâu chế biến sâu nhằm gia tăng giá trị gia tăng của sản phẩm cà phê xuất khẩu. Việc phát triển cơ sở hạ tầng logistics, giảm chi phí vận chuyển và tối ưu hóa chuỗi cung ứng cũng là yếu tố quan trọng giúp nâng cao năng lực cạnh tranh.

Thứ ba, doanh nghiệp xuất khẩu cà phê Việt Nam cần chú trọng phát triển thương hiệu, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và mở rộng thị trường thông qua các hiệp định thương mại tự do. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số vào quản lý sản xuất, kinh doanh, truy xuất nguồn gốc sản phẩm sẽ giúp nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Việc kết hợp đồng bộ các giải pháp trên sẽ giúp doanh nghiệp tận dụng hiệu quả dòng vốn FDI, nâng cao vị thế của cà phê Việt Nam trên thị trường toàn cầu ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Tiếng Việt

Nguyễn Chí Phong (2023). Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và các yếu tố tác động đến thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tại Việt Nam. Luận văn Thạc sĩ, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Trần Yên Hạ (2023). Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành nông nghiệp ở vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam: Thực trạng và giải pháp. Truy cập tại <https://kinhtevadubao.vn/dau-tu-truc-tiep-nuoc-ngoai-va-nganh-nong-nghiep-o-vung-kinh-te-trong-diem-phia-nam-thuc-trang-va-giai-phap-28405.html>

Tô Trung Thành, Nguyễn Quỳnh Trang (2023). Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với năng suất các nhân tố tổng hợp của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nội địa. Tạp chí Kinh tế và Phát triển, (314), 2-12.

Tiếng Anh

Albiman et al. (2022). The Effect of Foreign Direct Investment and Trade Openness on the Firms' Export Competitiveness and Products Diversification Among East African Community Members. In Trade and Investment in East Africa: Prospects, Challenges and Pathways to Sustainability (185-212). Singapore: Springer Nature Singapore.

Jalata D. H. (2021). Competitiveness and determinants of coffee export in Ethiopia: An analysis of revealed comparative advantage and autoregressive distributed lag model. *Journal of Economics and Sustainable Development*, 12(5), 43-62.

Kanyana A. (2023). Investigating the contribution of foreign direct investment to coffee crop production. Doctoral dissertation, KDI School of Public Policy and Management, Korea.

Ngày nhận bài: 3/2/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 18/2/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 3/3/2025

ASSESSING THE IMPACT OF FOREIGN DIRECT INVESTMENT ON THE COMPETITIVENESS OF VIETNAM'S COFFEE EXPORTING ENTERPRISES

● **LE PHUONG ANH**

Faculty of International Economics
Diplomatic Academy of Vietnam

ABSTRACT:

This study examines the impact of foreign direct investment (FDI) on the competitiveness of coffee-exporting enterprises in Vietnam. Employing a mixed-methods approach, the research analyzes data from 80 enterprises during the 2014–2023 period. The findings reveal that FDI positively influences firm competitiveness, with human resource development emerging as the most significant contributing factor. Based on these insights, the study proposes several policy recommendations aimed at maximizing the benefits of FDI. These include fostering stronger collaboration between domestic and foreign-invested enterprises, enhancing the investment climate, and promoting technological innovation to support long-term, sustainable competitiveness in the coffee export sector.

Keywords: technology transfer, foreign direct investment, competitiveness, human resource development, coffee exporting enterprises.